

QUYẾT ĐỊNH
GIẢI QUYẾT VIỆC KHÁNG CÁO ĐỐI VỚI
QUYẾT ĐỊNH ĐÌNH CHỈ GIẢI QUYẾT VỤ ÁN

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

- Với Hội đồng phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên họp: Ông Phạm Kim Cúa
Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Ngọc Hương
Ông Huỳnh Ngọc Dũng

- Thư ký phiên họp: Ông Nguyễn Khắc Giang – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên họp: Ông Phạm Văn Chánh – Kiểm sát viên.

Tại quyết định đình chỉ giải quyết việc dân sự sơ thẩm số 38/2017/QĐ-ST ngày 04 tháng 8 năm 2017.

Toà án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre đã căn cứ vào các Điều 48, 217, 218, 219, 273, 361 của Bộ luật tố tụng dân sự quyết định đình chỉ giải quyết vụ việc dân sự về “*Yêu cầu tuyên bố hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất vô hiệu do liên quan đến tài sản thi hành án*”, giữa:

1. Người yêu cầu:

- Ông Trần Văn N, sinh năm 1963
- Bà Lê Thị T, sinh năm 1967
Cùng địa chỉ: Ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Bến Tre

2. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông Nguyễn Văn B, sinh năm 1939
- Bà Nguyễn Thị N1, sinh năm 1941
- Ông Nguyễn Văn T1, sinh năm 1976
Cùng địa chỉ: Ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Bến Tre
- Chi cục thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Bến Tre.
Địa chỉ: Khu phố B, thị trấn C, huyện C, tỉnh Bến Tre.
Tại đơn kháng cáo ngày 09/8/2017 của người yêu cầu ông Trần Văn N,

kháng cáo đối với quyết định đình chỉ giải quyết việc dân sự của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành với lý do Tòa án cho rằng ông không có quyền yêu cầu giải quyết việc dân sự là làm ảnh hưởng đến quyền lợi ích hợp pháp của ông.

Kiểm sát viên phát biểu quan điểm: Tòa sơ thẩm đình chỉ yêu cầu của ông N, bà T về việc yêu cầu tuyên bố hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa ông B, bà N1 với ông T1 vô hiệu là có căn cứ. Đề nghị không chấp nhận kháng cáo của ông N, giữ nguyên quyết định sơ thẩm.

XÉT THẤY:

[1] Vào ngày 28/10/2014, ông N và bà T khởi kiện yêu cầu ông B, bà N1 trả số tiền hui và vay tổng cộng là 127.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi. Ngày 09/01/2015, Tòa sơ thẩm lập biên bản hòa giải thành, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự nhưng sau đó bà N1, ông B thay đổi ý kiến. Ngày 09/4/2015, Tòa án nhân dân huyện Châu Thành đưa vụ án ra xét xử buộc ông B, bà N1 trả cho ông N, bà T số tiền nêu trên. Hai bên đương sự không có kháng cáo, Viện kiểm sát không có kháng nghị, án sơ thẩm có hiệu lực pháp luật. Trước khi xét xử thì ngày 19/3/2015 ông B, bà N1 đã ký hợp đồng tặng cho phần đất có diện tích 5.660m², thuộc thửa 32, tờ bản đồ số 21 cho con ruột là ông Nguyễn Văn T1. Ngày 30/6/2015, Chi cục thi hành án dân sự huyện C trả đơn yêu cầu thi hành án cho ông N, bà T với lý do người phải thi hành án không có điều kiện thi hành. Ông N, bà T cho rằng hiện nay ông B, bà N1 không còn tài sản nào khác để thi hành án, việc ông B, bà N1 tặng cho quyền sử dụng đất cho ông T1 là nhằm mục đích tẩu tán tài sản. Do đó, ông N, bà T yêu cầu Tòa án tuyên bố hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa ông B, bà N1 với ông T1 vô hiệu.

[2] Nhận thấy, ông N, bà T cho rằng ngày 09/01/2015 hai bên đã thỏa thuận giải quyết được toàn bộ vụ án và Tòa án đã lập biên bản hòa giải thành. Tuy nhiên, trong thời hạn 07 ngày thì phía ông B, bà N1 thay đổi ý kiến không đồng ý với thỏa thuận trong biên bản hòa giải thành nên Tòa sơ thẩm không ra quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự và đưa vụ án ra xét xử là phù hợp với quy định của pháp luật. Như vậy, biên bản hòa giải thành ngày 09/01/2015 giữa ông N, bà T với ông B, bà N1 không có hiệu lực pháp luật.

[3] Xét hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa ông B, bà N1 với ông T1 ngày 19/3/2015. Hợp đồng này được thực hiện đảm bảo theo đúng các quy định của pháp luật và hoàn thành trước khi Tòa sơ thẩm xét xử vụ án ngày 09/4/2015. Thời điểm này thì Bản án của Tòa án chưa có hiệu lực pháp luật, Cơ quan thi hành chưa kê biên thi hành án đối với phần đất này. Đồng thời phần đất này không liên quan

đến phần tiền vay và tiền hụi trong bản án số 12/2015/DS –ST ngày 09/4/2015 của Tòa án nhân huyện Châu Thành nên ông N, bà T yêu cầu Tòa án giải quyết việc dân sự tuyên bố hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa ông B, bà N1 với ông T1 vô hiệu là không có căn cứ. Do đó, tòa sơ thẩm đình chỉ giải quyết việc dân sự với lý do không thuộc trường hợp quy định tại Điều 75 Luật thi hành án dân sự năm 2014 và khoản 1 Điều 24 Nghị định số 62/2015/NĐ-CP ngày 18/7/2015 của Chính phủ là có căn cứ, giữ nguyên quyết định đình chỉ số 38 ngày 04/8/2017 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành. Tuy nhiên, để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của ông N, bà T thì ông bà có thể khởi kiện ông B, bà N1 bằng một vụ án dân sự khác theo quy định của pháp luật.

Do kháng cáo không được chấp nhận nên ông Trần Văn N phải chịu án phí phúc thẩm.

Căn cứ vào Điều 314 của Bộ luật tố tụng dân sự,

QUYẾT ĐỊNH

1. Không chấp nhận kháng cáo của ông Trần Văn N.

Giữ nguyên quyết định đình chỉ giải quyết việc dân sự số 38/2017/QĐST-VDS ngày 04/8/2017 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre.

2. Án phí phúc thẩm ông Trần Văn N phải chịu 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà ông N đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0010236 ngày 09/8/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Bến Tre

3. Quyết định phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày ra quyết định./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bến Tre;
- TAND huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM.HỘI ĐỒNG PHÚC THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN HỢP**

Phạm Kim Cửa